

CHƯƠNG I

THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1. Tên chủ cơ sở

DOANH NGHIỆP TƯ NHÂN PHÁT PHÁT HOA

- Địa chỉ trụ sở chính: Quốc lộ 80, Khu phố Xà Xía, Phường Mỹ Đức, Thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.
- Người đại diện: (Ông) Chiêu Kiên Lát Chức vụ: Chủ doanh nghiệp
- Điện thoại: 0385678127
- Các giấy tờ pháp lý liên quan:
 - + Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1701891959 do Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Kiên Giang cấp đăng ký lần đầu ngày 10/01/2013, thay đổi lần thứ 1 ngày 04/12/2018.
 - + Giấy chứng nhận thẩm duyệt về phòng cháy và chữa cháy số 04/ĐK-PCCC-PC66 do Phòng cảnh sát PCCC Công an tỉnh Kiên Giang cấp ngày 15/01/2014.
 - + Giấy chứng nhận cửa hàng đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 475/GCNĐĐK-SCT ngày 18/03/2019.
 - + Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành: X 114292, thửa số 17, tờ bản đồ số MĐ 15, ấp Xà Xía, P. Mỹ Đức, Thị xã Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

2. Tên cơ sở

CỬA HÀNG KINH DOANH XĂNG DẦU PHÁT PHÁT HOA

- Địa điểm thực hiện: tổ Quốc lộ 80, Khu phố Xà Xía, Phường Mỹ Đức, Thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.
- Quy mô: Cơ sở thuộc lĩnh vực quy định tại khoản 4 Điều 41 Luật bảo vệ môi trường và thuộc danh mục đầu tư công nhóm C dưới 45 tỷ đồng theo điểm C khoản 5 Điều 8 Luật đầu tư công.

3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

3.1. Công suất hoạt động

- Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Phát Phát Hoa có 4 trụ bơm điện tử (gồm 2 trụ dầu DO và 2 trụ xăng A95) được lắp đặt hệ thống tiếp đất chống tĩnh điện, trực tiếp cung cấp nhiên liệu (xăng, dầu) cho khách hàng. Công suất tiêu thụ dao động từ 50.000 – 100.000 lít/tháng, cung cấp cho các phương tiện lưu thông trên địa bàn phường Mỹ Đức và khách vãng lai.
- Hệ thống bồn chứa xăng, dầu gồm 3 bồn: gồm 02 bể chứa xăng, 01 bồn chứa dầu vật liệu bằng thép (đặt âm) với tổng sức chứa là 54m³, mỗi bồn chứa được lắp đặt ống thông hơi có lắp van thở và đặt cao hơn mặt đất 4m.

Ngoài ra, cửa hàng trang bị các thiết bị phòng chống cháy nổ theo quy định của

cơ quan quản lý an toàn PCCC.

Thời gian hoạt động của cơ sở từ 6h00 đến 20h00 hàng ngày.

3.2. Công nghệ sản xuất của cửa hàng, mô tả việc lựa chọn công nghệ sản xuất của cơ sở

Hoạt động kinh doanh tại cơ sở chủ yếu là hoạt động lưu trữ và buôn bán lẻ các loại nhiên liệu (xăng A95, dầu DO), nhớt.

Hoạt động kinh doanh tại cửa hàng thể hiện như sau:

Xe vận chuyển nhiên liệu (xăng, dầu) → Bồn chứa cửa hàng kinh doanh → Bơm định lượng → Khách hàng

Thuyết minh hoạt động kinh doanh tại cửa hàng:

Nhiên liệu (xăng, dầu) được vận chuyển về cửa hàng chủ yếu bằng đường bộ thông qua xe vận chuyển xăng dầu chuyên dụng, số lượng nhập nhiên liệu phụ thuộc vào nhu cầu sử dụng khách hàng (trung bình 4 – 6 ngày/lần), tùy theo điều kiện thực tế, tương đương 10.000 - 15.000 lít/lần.

Nhiên liệu (xăng, dầu) về đến cơ sở được trữ tại 4 bồn chứa ngầm, tổng dung tích bồn chứa: 54m³, trong đó: 03 bồn chứa xăng 45m³, dầu 15m³.

Nhiên liệu bơm vào bồn chứa bằng phương pháp nhập kín, được lưu trữ và sẵn sàng phục vụ khách hàng bằng bơm định lượng kết nối với bồn chứa.

Hệ thống bồn chứa ngầm là hệ thống trữ kín, nắp bồn bằng gang đúc sẵn đường kính 642mm, dày 8mm. Lớp vữa lót mác 75 dày 200mm, lớp đáy bồn BTCT đá 4x6 M100 dày 100mm, lớp BT đá 4x6 M100 dày 100mm, lớp cát tôn nền đầm kỹ K=0,95, đất tự nhiên san phẳng, đầm kỹ K=0,89. Thành bồn xung quanh xây gạch thẻ B5 dày 200mm.

Đường ống nhập nhiên liệu sử dụng ống thép đặt ngầm, xung quanh ống được chèn chặt bằng cát, sơn chống rỉ sét, Φ90 x 3,5mm. Ống thoát hơi cao hơn thành bồn 4m. Bồn chứa được kết nối với hệ thống chống sét, cột thu sét cao 14,7m, làm bằng sắt tráng kẽm. Hàng năm, trước mùa mưa phải kiểm tra lại điện trở đất của hệ thống chống sét.

Khi có khách hàng đến tiếp nhiên liệu, nhiên liệu sẽ được dẫn từ bồn chứa thông qua cột bơm tiếp nhiên liệu cho khách hàng.

4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

4.1. Nhu cầu nguyên liệu, vật liệu

Nguyên nhiên liệu cung cấp cho hoạt động tại cửa hàng chủ yếu là nhiên liệu cho hoạt động của máy móc thiết bị của cơ sở và điện nước phục vụ cho sinh hoạt của nhân viên.

Bảng 1.1. Nguyên nhiên liệu sử dụng cho hoạt động của cơ sở

TT	Nguyên nhiên liệu	Đơn vị	Khối lượng
1	Xăng	Lít/tháng	50
2	Dầu DO (dùng cho máy phát điện khi điện lưới quốc gia gặp sự cố mất điện)	Lít/tháng	5
3	Điện	kWh/tháng	500
4	Nước sinh hoạt và rửa đường	m ³ /tháng	20

a. Nhu cầu sử dụng lao động

Cửa hàng sử dụng lao động chủ yếu là các thành viên trong gia đình trong hoạt động kinh doanh là 3 người, thời gian làm việc 8 giờ/ca.

b. Nhu cầu sử dụng điện

Cửa hàng sử dụng điện 1 pha trong hoạt động kinh doanh và sinh hoạt hằng ngày, nhu cầu sử dụng điện khoảng 500 Kwh/tháng.

Nguồn điện sử dụng được lấy từ điện lưới quốc gia.

c. Nhu cầu sử dụng nước

Nước sử dụng được sử dụng từ nguồn nước thủy cục của địa phương cho mục đích sinh hoạt của các nhân viên trực tiếp tham gia vào hoạt động kinh doanh, trung bình 10m³/tháng.

4.2. Danh mục máy móc, thiết bị

Để phục vụ cho hoạt động kinh doanh xăng dầu, doanh nghiệp đã đầu tư các máy móc thiết bị như sau:

Bảng 1.1. Danh mục máy móc, thiết bị của cơ sở

TT	Loại máy móc thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Thông số	Tình trạng mới
1	Trụ bơm xăng dầu	Trụ	04	70L/ph	80%
2	Bể chứa xăng dầu	Bồn	01	15 m ³	80%
3	Bình chữa cháy MT3	Bình	04	3kg	100%
4	Bình chữa cháy MFZ35	Bình	01	35 kg	100%
5	Bình chữa cháy MFZ8	Bình	04	8 kg	100%
6	Chăn sợi	Cái	03	-	100%
7	Cột thu sét	Cột	01	R = 13,5 m	100%
8	Phuy cát chữa cháy	Cái	02	01 m ³	100%
9	Camera giám sát	Cái	02	-	100%
10	Máy phát điện	Cái	01	10,3 Kw	100%

5. Các thông tin liên quan khác đến cơ sở:

5.1. Vị trí địa lý

Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Phát Phát Hoa tọa lạc tại Quốc lộ 80, Khu phố Xà Xía, Phường Mỹ Đức, Thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang, có các hướng tiếp giáp như sau:

- + Phía Đông Bắc giáp Quốc lộ 80;
- + Phía Tây Nam giáp đất nhà ở;
- + Phía Đông Nam giáp đất trồng;
- + Phía Tây Bắc giáp đất trồng.

Tổng diện tích khu đất của cơ sở: 2150,1m² (Giấy chứng nhận QSDĐ kèm theo)



Hình 1.1. Vị trí khu đất của cửa hàng

Cửa hàng được xây dựng với các hạng mục như sau:

Bảng 1.3. Quy hoạch sử dụng đất

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)
1	Nhà trưng bày	247,5
2	Kho chứa CTNH	3
3	Nhà vệ sinh	37,01
4	Đảo bơm	16

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (m²)
5	Khu bán hàng	36,5
6	Bồn chứa xăng dầu	79,68
7	Nhà ở + Đất trống	1730,41
Tổng diện tích		2150,1

5.2. Tình hình thực hiện công tác bảo vệ môi trường của cơ sở trong thời gian qua

Trong thời gian qua cửa hàng đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật trong công tác xây dựng và giữ gìn vệ sinh môi trường. Những biện pháp bảo vệ môi trường được áp dụng tại cửa hàng:

+ Đối với môi trường không khí: hoạt động kinh doanh xăng nguồn thải gây ô nhiễm môi trường không khí chủ yếu từ hoạt động các phương tiện ra vào đổ xăng dầu phát sinh bụi nên cửa hàng thường xuyên phun nước để giảm thiểu nguồn ô nhiễm này.

+ Đối với nước thải sinh hoạt của nhân viên chủ yếu là các thành viên gia đình: cửa hàng đã bố trí bể tự hoại 3 ngăn kết để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt phát sinh.

+ Đối với nước thải nhiễm dầu: cửa hàng đã xây dựng mái che khu vực bơm xăng dầu cho khách hàng, hạn chế thấp nhất lượng nước thải nhiễm dầu phát sinh. Tuy nhiên, cửa hàng chưa xây dựng đường ống thu gom và bể tách dầu để xử lý triệt để trước khi xả vào môi trường.

+ Đối với chất thải rắn: Chất thải sinh hoạt được thu gom vào thùng có nắp đậy và được thu gom hàng ngày.

+ Đối với chất thải nguy hại: Thu gom vào kho chứa CTNH, bố trí các thùng chứa CTNH có nắp đậy, được nhán dẫn và thu gom định kỳ theo quy định.

+ Đối với công tác PCCC: Cửa hàng luôn thực hiện tốt chủ trương, pháp luật trong việc PCCC, luôn có phương án cứu hộ, cứu nạn, phương án PCCC, ban hành các nội quy, quy định về PCCC.

CHƯƠNG II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

Cửa hàng kinh doanh xăng dầu Phát Phát Hoa phù hợp với quy hoạch về môi trường tại các văn bản pháp lý sau:

- Phù hợp với quy hoạch địa phương và được cấp giấy phép xây dựng số 90/GPXD.2013 của UBND thị xã Hà Tiên ngày 27 tháng 07 năm 2013.

- Đảm bảo đủ điều kiện về Phòng cháy chữa cháy theo giấy chứng nhận số 04/ĐK-PCCC – PC66 ngày 15 tháng 01 năm 2014 của Phòng cảnh sát PCCC và CNCH tỉnh Kiên Giang.

- Đảm bảo theo giấy chứng nhận đủ điều kiện bán lẻ xăng dầu số 475/GCNĐĐK-SCT ngày 18 tháng 03 năm 2019 của Sở Công Thương tỉnh Kiên Giang.

2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

2.1. Khả năng chịu tải của môi trường đối với nước thải

Lượng nước thải phát sinh do hoạt động kinh doanh và sinh hoạt của cửa hàng có lưu lượng rất thấp được xử lý và tái sử dụng tưới cây. Bên cạnh đó, hiện trạng xung quanh cửa hàng không có nguồn tiếp nhận nước thải như: ao, hồ, kênh, rạch nên nước thải không thải ra nguồn nước tiếp nhận nên trong báo cáo không đánh giá khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận nước thải.

2.2. Khả năng chịu tải của môi trường không khí đối với bụi, khí thải

Hiện trạng môi trường không khí xung quanh cửa hàng không gần các nhà máy, xí nghiệp có nguồn phát sinh khí thải nên không khí còn trong lành, chưa có dấu hiệu ô nhiễm, khả năng chịu tải còn cao.

2.3. Khả năng chịu tải của môi trường đối với chất thải rắn

Chất thải rắn và chất thải nguy hại được tập kết vào các thùng rác theo đúng mã quy định, chứa đựng đủ lượng rác thải phát sinh. Các thùng rác có nắp đậy giảm thiểu mùi hôi phát sinh và các thùng dễ thuận lợi cho việc vận chuyển. Khu vực lưu trữ chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại đảm bảo các thùng phân loại dán nhãn, mã số theo quy định. Hợp đồng với các đơn vị có chức năng tiến hành thu gom và xử lý theo quy định hiện hành.

Qua những đánh giá trên cho thấy cửa hàng hoàn toàn phù hợp với quy hoạch và khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận các nguồn chất thải của dự án.



Hình 2.1. Mặt bằng của cơ sở

CHƯƠNG III

ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

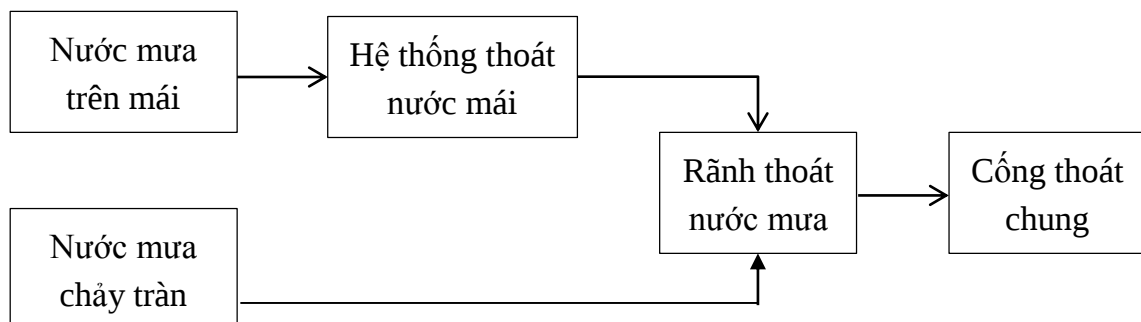
1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

1.1. Thu gom, thoát nước mưa

Diện tích khu vực kinh doanh của cửa hàng được xây dựng mái che và có hệ thống thoát nước mưa trên mái Ø90 có tổng chiều dài 9m, chảy trực tiếp xuống trần trực tiếp khu vực ra phía sau cửa hàng.

Diện tích không có mái che nước mưa tự chảy tràn theo cao độ dốc $i = 2\%$ hướng ra phía Quốc lộ, không chảy tràn vào nơi kinh doanh. Cửa hàng chưa xây dựng hệ thống thu gom và thoát nước mưa do khu vực chưa có hệ thống cống thoát nước tập trung nên nước mưa chảy tràn bề mặt và tự thấm đất. Tuy nhiên, để hạn chế ô nhiễm môi trường do nước mưa gây ra (*bụi, rác cuốn trôi theo nước mưa*), trong thời gian tới, cửa hàng sẽ xây dựng đường ống dọc 2 bên theo chiều dài cửa hàng, tổng chiều dài 40m, phía trên có nắp đan BTCT, thu gom nước mưa triệt để toàn bộ diện tích cửa hàng và thoát ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

Sơ đồ thu gom nước mưa chảy tràn của cửa hàng:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa của cửa hàng

Rãnh thoát nước mưa sẽ định kỳ nạo vét để loại bỏ những rác bám, cặn lắng. Bùn thải được thu gom và thuê đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định.

1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Thu gom và thoát nước nhiễm dầu

Nguồn ô nhiễm nước thải nhiễm dầu phát sinh từ các nguyên nhân sau:

- Nước vệ sinh sàn nhiễm dầu: phát sinh trong quá trình vệ sinh vệ sinh sân bãi do nhiên liệu rơi vãi tại khu vực kinh doanh của cửa hàng với diện tích khoảng 20m². Theo mục 2.10.2 Thông tư 01/2021/TTBXD ngày 19/5/2021 của Bộ xây dựng quy định lượng nước rửa đường 0,4 lít/m²/ngày.đêm, như vậy lưu lượng nước nhiễm dầu phát sinh từ hoạt động rửa đường khoảng 16 lít/ngày (*điều kiện thời tiết nóng của hàng thực hiện*

phun nước làm mát 2 lần/ngày)

- Nước nhiễm dầu do nước mưa chảy tràn qua các khu vực bị rơi vãi nhiên liệu trong quá trình tiếp nhiên liệu cho các phương tiện.

Lưu lượng cực đại:

$$Q = 0,278 \cdot K \cdot I \cdot A \quad (1)$$

Trong đó :

Q: lưu lượng cực đại (m³/ngày),

K: hệ số chảy tràn phụ thuộc vào đặc điểm bề mặt đất, chọn K = 0,3

I: cường độ mưa ngày lớn nhất trong năm (m/ngày): 0,5903 m/ngày.

A: diện tích (m²) = 20m² (Khu vực có thể phát sinh nước nhiễm dầu)

Bảng 3.1. Hệ số chảy tràn một số đặc điểm bề mặt

Đặc điểm bề mặt	K
Vùng thị tứ	0,70 – 0,95
Vùng dân cư (khu tập thể)	0,50 – 0,70
Vùng nhà riêng lẻ	0,3 – 0,7
Khu công viên nghĩa trang	0,10 – 0,25
Đường có lát nhựa	0,80 – 0,90
Bãi cỏ, nền đất, phụ thuộc vào độ dốc và tầng	0,10 – 0,25

Áp dụng công thức (1), tính được lưu lượng nước nhiễm dầu cực đại có thể phát sinh tại cửa hàng:

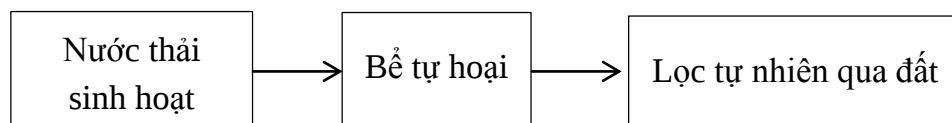
$$Q = 0,278 \cdot 0,3 \cdot 0,5903 \cdot 20 = 0,98 \text{ m}^3/\text{ngày} \approx 1 \text{ m}^3/\text{ngày}$$

Cửa hàng chưa xây dựng rãnh thu gom nước mưa nhiễm dầu, tuy nhiên nước nhiễm dầu phải được thu gom bằng các rãnh thu gom nước riêng biệt, sau đó dẫn về bể tách dầu trước khi thải ra môi trường xung quanh.

b. Thu gom và thoát nước thải sinh hoạt

Nước thải phát sinh phát sinh từ sinh hoạt của thành viên trong gia đình trực tiếp tham gia kinh doanh, khối lượng phát sinh khoảng 0,36 m³/ngày.đêm. Thành phần nước thải sinh hoạt chủ yếu là chất rắn lơ lửng (TSS), chất hữu cơ (BOD₅), các chất dinh dưỡng (N,P) và vi khuẩn.

Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt tại cửa hàng như sau:



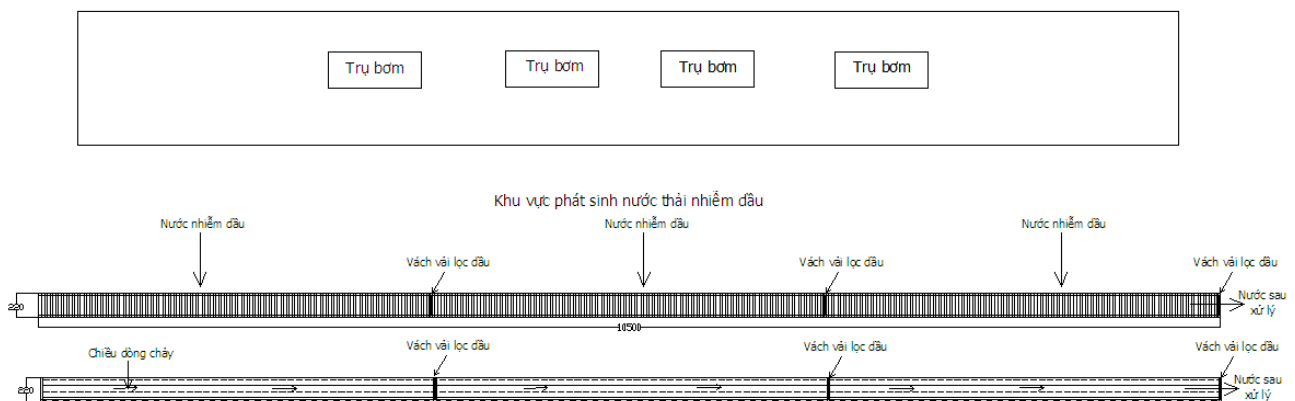
Hình 3.2. Sơ đồ thu gom nước thải sinh hoạt tại cửa hàng

Các thành viên trong gia đình trực tiếp tham gia vào hoạt động kinh doanh nên sử dụng nhà vệ sinh chung đã xây dựng tại cửa hàng, nên trong báo cáo này không thu mẫu nguồn thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt gia đình.

1.3. Xử lý nước thải

a. Xử lý nước nhiễm dầu từ hoạt động rửa sàn và nước mưa chảy tràn

Chủ cửa hàng sẽ thực hiện xây dựng đường rãnh thu gom nước nhiễm dầu dọc theo chiều dài trụ bơm dầu, kích thước rãnh thu gom D x R x C : 10,5m x 0,2m x 0,2m, trên đường rãnh thu gom bố trí 3 vách ngăn vải lọc dầu SOS-1, mỗi ngăn cách nhau 3m trên mặt cắt ngang của rãnh thu nước. Nước nhiễm dầu đi qua vải lọc dầu, phần dầu lẫn trong nước sẽ được giữ lại trên vải lọc dầu, nước sẽ đi qua vải lọc và thoát ra môi trường.



Hình 3.3. Sơ đồ thu gom và xử lý nước thải nhiễm dầu

Thông số kỹ thuật của vách ngăn vải lọc dầu SOS-1

- Chịu được dòng chảy với lưu tốc tối đa $250 \text{ m}^3/\text{h}/\text{m}^2$
- Kích thước: Khô rộng 1,5m - Dày 5mm
- Định lượng: $0,47\text{kg}/\text{m}^2$
- Đóng gói tiêu chuẩn : $112,5\text{m}^2$
- Kích thước mở giữa các sợi vải: 100-140micron
- Có khả năng hút lượng dầu gấp 20 lần trọng lượng bản thân;

Xây dựng đường thu gom, xử lý nước thải nhiễm dầu

- Cấu tạo đường thu gom, xử lý nước thải nhiễm dầu

- + Vật liệu: gạch, láng xi măng, vĩ sắt phía trên;
- + Kích thước dự kiến: 10,5m x 0,2m x 0,2m

+ Bố trí 3 vách vải lọc dầu SOS-1 hoặc tương đương. Kích thước: 0,19m x 0,19m x 0,02m.

- Quy trình vận hành:

- Nước nhiễm dầu trong khu vực kinh doanh từ chảy theo cao độ dốc về đường rãnh thu gom nước nhiễm dầu, cao độ rãnh thiết kế cho dòng chảy qua vải lọc dầu trước khi thải ra môi trường đạt QCVN 29:2010/BTMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải kho và cửa hàng xăng dầu, trước khi xả ra hệ thống cống chung của khu vực (áp dụng đối với Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe).

- Thời gian triển khai: Quý II năm 2024.

b. Xử lý nước thải sinh hoạt

Nước thải sinh hoạt chủ yếu từ các thành viên trong gia đình tham gia kinh doanh nên nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn. Bể tự hoại có dạng hình chữ nhật, nước thải theo các đường ống thu gom đổ về bể tự hoại và lần lượt đi qua các ngăn trong bể, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể. Vai trò của bể tự hoại là lắng các chất rắn, phân hủy yếm khí các chất hữu cơ trong các ngăn lắng và chứa cặn, sau đó nước thải đi qua các ngăn lắng và thoát ra ngoài theo ống dẫn. Hiệu suất của bể tự hoại khoảng 71 - 85% hàm lượng BOD₅ so với đầu vào.

Ưu điểm của bể tự hoại là có cấu tạo đơn giản, quản lý dễ dàng và có hiệu quả xử lý tương đối cao.

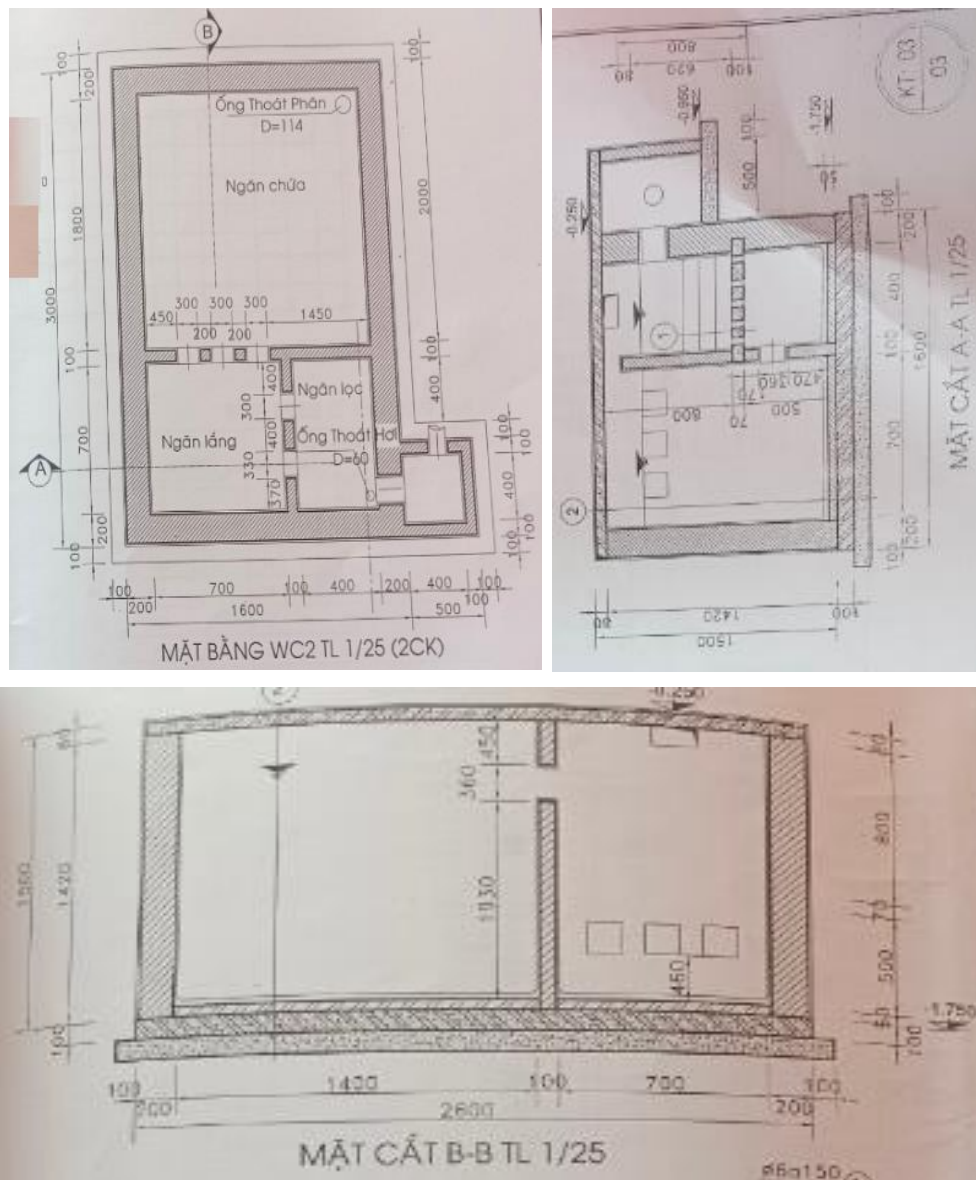
Thực tế nhà vệ sinh tại cửa hàng chủ yếu phục vụ cho các thành viên gia đình để đảm bảo cáo quy định về kinh doanh xăng dầu và một số khách căng lại số lượng 2 – 3 người/ngày nên lượng nước thải sinh hoạt phát sinh khoảng 0,36 m³/ngày.đem nên với lưu lượng này không thể xây dựng hệ thống xử lý nước thải nên việc sử dụng bể tự hoại để xử lý là khả thi trước khi thải ra môi trường ; chọn thông số thiết kế : 1m³/ngày các thông số chi tiết của bể tự hoại như sau:

Bảng 3.2. Thông số chi tiết bể tự hoại

TT	Thông số	ĐVT	Kết quả	Ghi chú
1	Lưu lượng, Q _{sh}	m ³	0,36	V _{nước} = Q _{sh} *K = 0,72 m ³
2	Hệ số lưu lượng, K	-	2	
3	Tiêu chuẩn cặn lắng cho 1 người, m	người /ngày	0,45	$V_{bùn} = \frac{m * N * t * (100 - P_1) * K_p * K_g * (100 - P_2)}{100.000}$ Với N = 3 (người), ta có: V_{bùn} = 0,1m³
4	Thời gian tích lũy cặn lắng, t	Ngày	180	
5	Hệ số cặn phân giải đến 30%, K _p	-	0,7	
6	Hệ số cặn giữ lại đến 20%, K _g	-	1,2	
7	Độ ẩm trung bình cặn tươi, P ₁	%	95	

8	Độ ẩm trung bình cặn trong bể, P ₂	%	90	
$V_{bể} = V_{nước} + V_{bùn} = 0,72 + 0,1 = 0,82m^3$				

Cửa hàng đã xây dựng bể tự hoại có tổng thể tích 7,2m³ (LxRxC: 3mx1,6mx1x5m) thời gian lưu nước thải để xử lý 10 ngày đủ để vi sinh vật lên men xử lý các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt. Một số kết quả với số liệu đánh giá hiệu suất hoạt động của bể tự hoại cụ thể như: BOD₅ đạt 71 đến 85%, chất lơ lửng SS đạt đến 75%, COD đạt 75 đến 90%, TSS đạt 75% đến 95%. Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý bằng bể tự hoại tự thấm qua đất.



Hình 3.4. Cấu tạo bể tự hoại của cửa hàng

➤ **Các điểm cần lưu ý khi vận hành bể tự hoại:**

Cần có ống thoát các khí sinh ra (H_2S , CH_4) để gây cháy nổ.

Hạn chế tối thiểu sử dụng hoá chất (chất tẩy rửa, chlorine,...) ảnh hưởng đến vi sinh vật trong bể tự hoại, giảm hiệu suất xử lý.

Khi bể tự hoại đã đầy bùn thì phải hút loại bỏ, theo thể tích bể tự hoại như trên thì định kỳ hút cạn 5 năm/lần.

1.4. Quan trắc tự động, liên tục

Cửa hàng không thuộc đối tượng phải thực hiện quan trắc tự động, liên tục nước thải nên đơn vị tư vấn không nêu trong báo cáo này.

2. Công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải

2.1. Công trình biện pháp xử lý bụi, khí thải từ hoạt động kinh doanh

Bụi, khí thải của cửa hàng phát sinh chủ yếu từ các hoạt động sau:

- Từ hoạt động kinh doanh;
- Từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

Về cơ bản, khí thải phát sinh với mức thấp từ hoạt động kinh doanh của cửa hàng nên hạn chế lượng khí thải có thể gây ảnh hưởng đến môi trường, cửa hàng đã áp dụng những biện pháp như sau:

- Yêu cầu khách hàng tắt máy khi tiếp nhiên liệu;
- Nhân viên làm việc trực tiếp kinh doanh được trang bị đồ bảo hộ lao động, khẩu trang bịt mũi, bịt miệng, bịt tay khi làm việc.
- Hệ thống nhập có cổ gài kín với ống xả của xe bồn, hệ thống xuất từ bể đến mỗi cột bơm đều có van chân nhằm hạn chế quá trình bay hơi, giảm thiểu ô nhiễm không khí;
- Bồn chứa nhiên liệu được âm đất, có nắp đậy an toàn. Ống thông hơi của bể chứa được thiết kế chiều cao 4m nhằm khuếch tán pha loãng với không khí trong quá trình nhập nhiên liệu, giai đoạn này chỉ diễn ra khoảng 10 phút/lần nên ảnh hưởng không đáng kể, mặt khác quá trình nhập liệu không thường xuyên.
- Thường xuyên phun nước tưới đường vào thời điểm nắng nóng hạn chế bụi phát sinh.

2.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải từ máy phát điện dự phòng

Chủ cửa hàng có đầu tư máy phát điện dự phòng với công suất 10,3 KVA nhằm cung cấp điện cho hoạt động của cửa hàng khi điện lưới quốc gia gặp sự cố. Do đó, trong quá trình hoạt động có thể phát sinh khí thải từ hoạt động vận hành máy phát điện dự phòng.

Nhiên liệu dầu DO được sử dụng cho máy phát điện dự phòng; nếu máy phát điện hoạt động liên tục, lượng nhiên liệu sử dụng khoảng 4,5 lít/giờ, tương đương 4,05 kg/giờ (tỷ trọng của dầu DO khoảng 0,9 kg/lít). Khí thải sinh ra từ quá trình đốt nhiên liệu của máy phát điện bao gồm: bụi, SO₂, NO_x, CO.

Bảng 3.3. Tải lượng các chất ô nhiễm khí từ khí thải máy phát điện dự phòng

TT	Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (kg chất ô nhiễm/tấn dầu)
1	Bụi	0,71
2	SO ₂	20xS
3	NO _x	9,62
4	CO	2,19

(Nguồn: *Assessment of Sources of Air, Water and Land Pollution*, WHO 1993)

Ghi chú: Hàm lượng lưu huỳnh trong dầu DO là 0,05%.

Đối với các thiết bị sử dụng dầu DO làm nguyên liệu đốt, nếu khi đốt lượng không khí dư là 25% thì lượng khí thải sinh ra khi đốt cháy 1kg dầu DO là 22 - 25m³ (nguồn: Viện kỹ thuật nhiệt đới và bảo vệ môi trường Tp HCM). Như vậy, tổng lưu lượng khí thải của máy phát điện khi hoạt động sẽ là 89,1 – 101,25m³/h hay 0,02475 – 0,028125m³/s.

Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện dự phòng được trình bày trong bảng 3.4.

Bảng 3.4. Nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện dự phòng

TT	Chất ô nhiễm	Tải lượng (g/s)	Nồng độ (mg/Nm ³)	QCVN 19:2009/BTNMT (cột B) (mg/Nm ³)
1	Bụi	0,00079875	28,4 – 32,27	200
2	SO ₂	0,01125	400 – 454,55	500
3	NO _x	0,0108225	384,8 – 437,27	1.000
4	CO	0,00246375	87,6 – 99,55	1.000

Nhận xét:

So sánh nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện dự phòng với quy chuẩn 19:2009/BTNMT cột B, cho thấy tất cả các chỉ tiêu bụi, SO₂, NO₂, CO đều đạt tiêu chuẩn cho phép. Mặt khác, máy phát điện chỉ được sử dụng vào những lúc mất điện (nguồn thải không liên tục) nên tác động từ máy phát điện đến không khí xung quanh là không đáng kể.

3. Công trình, biện pháp lưu giữ xử lý chất thải rắn thông thường

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh chủ yếu là rác sinh hoạt của các thành viên gia đình tham gia kinh doanh, theo định mức phát sinh trung bình 0,5 kg/người/ngày, như vậy tổng khối lượng 3 người x 0,5 kg/người/ngày = 1,5 kg/ngày. Thành phần chủ yếu là các chất hữu cơ đơn giản, dễ phân hủy sinh học với những sản phẩm đặc trưng từ nhóm khí gây mùi. Mặc dù có khối lượng thấp nhưng nhóm chất thải này vẫn có khả năng gây ảnh hưởng đến môi trường không khí nếu không được bảo quản và thu gom xử lý kịp thời. Vì vậy, cửa hàng đã áp dụng các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động của nguồn ô nhiễm này, cụ thể:

+ Trang bị 2 thùng rác loại 20 lít có nắp đậy: 01 thùng đựng các loại rác vô cơ khô (bao bì nilon, giấy, nhựa plastic...); 01 thùng đựng rác hữu cơ (chất thải hữu cơ như: thức ăn thừa, rau quả....) và trên mỗi thùng có dán nhãn nhằm thực hiện việc phân loại rác tại nguồn theo đúng quy định của pháp luật.

+ Hợp đồng với đội thu gom rác của thành phố để thu gom, vận chuyển và xử lý đúng theo quy định, thực hiện định kỳ hàng ngày.

4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình kinh doanh, bảo trì, sửa chữa các máy móc, thiết bị, xúc rửa bồn... khối lượng CTNH (bao gồm cả phát sinh thường xuyên và đột xuất) phát sinh tại cửa hàng được thống kê như sau:

Bảng 3.5. Thống kê khối lượng CTNH phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang	Rắn	16 01 06	1
2	Pin/ắc quy thải	Rắn	16 01 12	2
3	Dầu nhớt bôi trơn thải	Lỏng	17 02 04	2
4	Chất hấp thụ, giẻ lau, vải bảo vệ bị nhiễm các thành phần nguy hại, vải lọc dầu	Rắn	18 02 01	5
5	Xăng dầu thải các loại và những chất thải nhiễm dầu	Rắn/Lỏng	17 06 02	2
6	Bùn cặn từ quá trình xúc rửa bồn chứa	Rắn/Lỏng	19 07 01	2
Tổng cộng				13

Các công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý CTNH được áp dụng:

- Chất thải nguy hại của cửa hàng phát sinh hàng năm không nhiều, được thu gom ngay sau phát sinh. Cửa hàng trang bị 02 thùng chứa có nắp đậy loại 50 lít: 01 thùng chứa chất thải nguy hại dạng rắn; 01 thùng chứa chất thải nguy hại dạng lỏng, các thùng chứa CTNH có nắp đậy, có nhãn dán, biển cảnh báo theo đúng quy định để chứa CTNH; Chất thải nguy hại phát sinh được phân loại và lưu trữ theo từng nhóm riêng biệt, không để lẫn chất thải nguy hại với chất thải thông thường. Không rò rỉ chất thải lỏng ra môi trường.

- Kho chứa CTNH được xây dựng phía bên phải cửa hàng (từ ngoài nhìn vào) với diện tích là 3m² (1,5m x 2m) được xây dựng vách bằng tole chiều cao 1,8m, mái tole, nền được láng xi măng, đảm bảo không cho nước mưa chảy tràn vào khu vực; khu vực lưu trữ CTNH có dán biển cảnh báo “Khu vực lưu trữ chất thải nguy hại”.

- CTNH có thể tái sử dụng vào mục đích khác nhưng không làm thay đổi tính chất.

Định kỳ hàng năm thuê đơn vị có chức năng vận chuyển và tiêu hủy để xử lý các chất thải nguy hại này theo đúng quy định của Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022. Trường hợp lưu giữ quá thời hạn nêu trên do chưa có phương án vận chuyển, xử lý khả thi hoặc chưa tìm được cửa hàng thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại phù hợp thì phải báo cáo định kỳ hàng năm về việc lưu giữ chất thải nguy hại tại cửa hàng phát sinh với cơ quan chuyên môn về bảo vệ môi trường cấp tỉnh bằng văn bản riêng hoặc kết hợp trong

báo cáo môi trường định kỳ.

Xây dựng điểm lưu chứa chất thải nguy hại

- *Cấu tạo điểm lưu chứa:*

+ Vật liệu: vách tole cao 1,8m, có cửa kín đảo, nền xi măng khô ráo;

+ Trang bị 02 thùng nhựa để chứa có nắp đậy kín, phân loại chất thải thành 02 dạng: lỏng và rắn;

+ Kích thước dự kiến: 3m².

- *Quy trình vận hành điểm lưu chứa:*

+ Chất thải nguy hại phát sinh sẽ được thu gom, phân loại và chứa trong các thùng chứa riêng biệt;

+ Các thùng chứa này sẽ được dán nhãn cảnh báo theo quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022;

+ Định kỳ, Chủ dự án sẽ vận chuyển chất thải vào bờ khi khối lượng chất thải đủ lớn (thời gian lưu chứa không quá 06 tháng) và sẽ ký hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý theo quy định hiện hành theo Nghị định 08/2022/NĐ-CP và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

- **Thời gian triển khai:** Quý II năm 2024.

5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

Hoạt động kinh doanh của cửa hàng tiếng ồn chủ yếu sinh ra từ các phương tiện ra vào tiếp nhiên liệu, tuy nhiên nguồn này gây ra độ ồn khá thấp ảnh hưởng không đáng kể.

Ngoài ra, tiếng ồn phát sinh từ máy phát điện dự phòng nhưng không đáng kể do máy hoạt động không thường xuyên.

Bảng 3.6: Tóm tắt các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của cửa hàng

TT	Nguồn ô nhiễm	Công trình, biện pháp BVMT
1	Nước thải sinh hoạt	- Đã xây dựng dưới nhà vệ sinh bể tự hoại 3 ngăn có thể tích 7,2m ³ để thu gom, xử lý.
2	Nước thải nhiễm dầu	- Xây dựng đường thu gom nước thải nhiễm dầu dọc theo các trụ bơm, có kích thước L x R x C: 10,5m x 0,2m x 0,2m, trên đường thu gom bố trí vải lọc dầu để giữ lại các váng dầu lẫn trong nước. Thời gian thực hiện: Quý II/2024.
3	Nước mưa	- Hệ thống rãnh thu gom nước mưa BxH = 20cm x 10cm dọc 2 bên cửa hàng, đầu nối với đường thoát nước tập trung của

TT	Nguồn ô nhiễm	Công trình, biện pháp BVMT
		khu vực. Thời gian thực hiện: Quý IV/2024.
4	CTR sinh hoạt	- Bố trí 02 thùng rác nhựa composite có nắp đậy loại 20L tại cửa hàng thu gom các chất thải rắn sinh hoạt phát sinh.
5	CTNH	- Bố trí 02 thùng rác có nắp đậy loại 50L để thu gom chất thải nguy hại phát sinh. - Xây dựng điểm lưu chứa CTNH diện tích khoảng 3m ² (cấp nhà vệ sinh) - Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý triệt để (6 tháng/lần) - Thời gian thực hiện: Quý II/2024.
6	Không khí	- Thu gom rác thải sinh hoạt hàng ngày - Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng máy móc, thiết bị - Trang bị khẩu trang cho nhân viên nhằm giảm tác hại khí thải từ hoạt động tiếp nhiên liệu.

6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường khi cơ sở đi vào vận hành.

6.1. Quản lý, phòng ngừa sự cố môi trường

Cửa hàng xây dựng và thực hiện kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy chế ứng phó sự cố tràn dầu theo Quyết định số 12/2021/QĐ-TTg ngày 24 tháng 03 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng và kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu cho cơ sở theo Quyết định số 1409/2023/QĐ-UBND ngày 1 tháng 6 năm 2023 của UBND tỉnh Kiên Giang về việc Ban hành, quy định lập, thẩm định và phê duyệt kế hoạch ứng phó sự cố tràn dầu của các cơ sở trên địa bàn tỉnh Kiên Giang; tuân thủ quy trình, quy định kỹ thuật về an toàn, môi trường; bảo đảm nguồn lực, trang thiết bị, công trình phòng ngừa ứng phó sự cố môi trường.

- Thực hiện chế độ kiểm tra thường xuyên, áp dụng phương án, biện pháp quản lý, kỹ thuật nhằm loại trừ, giảm thiểu nguy cơ xảy ra sự cố môi trường.

- Tổ chức các lớp tập huấn về các sự cố môi trường và các sự cố khác có thể xảy ra tại cơ sở cho đội ngũ nhân viên nhằm nâng cao nhận thức và hành động kịp thời để ứng phó sự cố.

6.2. Phòng ngừa ứng phó sự cố cháy nổ

a. Nguồn phát sinh sự cố

Do đặc thù kinh doanh có liên quan đến xăng dầu nên nguy cơ cháy nổ rất cao. Một số nguyên nhân có thể gây cháy nổ như sau:

- Các sự cố về các thiết bị điện: chập điện, động cơ, máy móc bị quá tải trong quá trình sử dụng phát sinh nhiệt và dẫn đến cháy nổ;
- Sự sơ ý của và sự thiếu ý thức của nhân viên sử dụng điện thoại, hút thuốc cũng là những nguyên nhân gây cháy nổ;
- Sự cố thiên tai, sét đánh,.....

Các sự cố vừa nêu nếu xảy ra sẽ gây hậu quả lớn về tính mạng, tài sản và môi trường. Do đó, chủ cửa hàng cần phải thực hiện nghiêm chỉnh các quy định, quy tắc an toàn về PCCC nhằm hạn chế đến mức thấp nhất các rủi ro.

b. Biện pháp phòng ngừa

- Thường xuyên kiểm tra tình trạng hoạt động, độ an toàn của các thiết bị.
- Lắp đặt 01 kim thu sét tại vị trí cao nhất trên đỉnh của cửa hàng, đảm bảo đúng thiết kế và yêu cầu của cơ quan PCCC.
- Không bố trí các vật liệu dễ cháy gần các bồn chứa.
- Không sử dụng điện thoại di động khi mua bán xăng dầu. Không đóng mở cửa xe ô tô khi đang bơm rót. Không cho trẻ em ra khỏi xe hay đến gần khu vực bơm rót. Không hút thuốc hay sử dụng lửa trần. Tắt động cơ phương tiện giao thông khi bơm rót.
- Tuyên truyền nâng cao ý thức bảo vệ môi trường và phòng ngừa sự cố cho nhân viên, bảo đảm thành thạo quy trình xuất nhập dầu, phòng chống sự cố.
- Bố trí các bình cứu hỏa cầm tay ở những vị trí thích hợp nhất để tiện sử dụng, các phương tiện chữa cháy cần được kiểm tra thường xuyên và đảm bảo luôn trong tình trạng sẵn sàng.
- Trang bị các phương tiện PCCC như sau:
 - + 01 Bơm ly tâm với lưu lượng bơm là 20m³/giờ;
 - + 02 Bình CO₂ loại 5kg;
 - + 05 Bình bột ABC loại 8kg.
- Bên cạnh đó phương tiện trang bị các trang bị cứu sinh như sau:
 - + Phao tròn (Không dây): 02 chiếc;
 - + Phao tròn (Có dây): 02 chiếc;
 - + Phao áo: 05 chiếc;

+ Xuồng/phao bè: 01 chiếc (tổng sức chở 06 người).

- Liên lạc, phối hợp với cảnh sát PCCC để có chương trình phòng chống cháy nổ phù hợp đối với cửa hàng và xử lý nhanh trong trường hợp sự cố xảy ra.

- Tham gia định kỳ thao diễn cứu hỏa với sự cộng tác chặt chẽ của cơ quan PCCC.

- Tuân thủ đúng theo các hướng dẫn về PCCC đã ban hành và kiểm tra định kỳ theo quy định PCCC.

- Đặt các biển báo cấm lửa tại kho chứa và khu vực kinh doanh xăng dầu.

- Vị trí xây dựng thuận tiện cho việc bố trí xe ra, vào phù hợp với yêu cầu quy hoạch của khu vực; đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường và an toàn PCCC.

- Khoảng cách an toàn từ cột bơm và cụm bể chứa của cửa hàng tới các công trình ngoài khu vực cửa hàng không nhỏ hơn quy định.

- Kết cấu vật liệu xây dựng của cửa hàng phải có bậc chịu lửa I, II.

6.3. Phòng ngừa sự cố tràn dầu

a. Nguồn phát sinh sự cố

Đối với cửa hàng kinh doanh xăng dầu luôn tiềm ẩn khả năng xảy ra sự cố tràn dầu gây thiệt hại về môi trường. Đối với cửa hàng khả năng xảy ra sự cố tràn dầu khi:

- Tai nạn giao thông do các phương tiện va chạm gây hư hỏng tàu dẫn đến rò rỉ;

- Do đổ vỡ, rò rỉ trong quá trình nhập, xuất nhiên liệu tại các khoang chứa hoặc đường ống dẫn;

- Do sự cố kỹ thuật dẫn đến chảy tràn ra bên ngoài trong quá trình nhập – xuất nhiên liệu.

b. Biện pháp phòng ngừa

- Trang bị thiết bị và phương tiện để ứng phó khi sự cố tràn dầu xảy ra;

- Thường xuyên diễn tập ứng phó sự cố tràn dầu để chủ động khi có sự cố xảy ra;

- Liên lạc và phối hợp với cơ quan chức năng xử lý nhanh chóng khi sự cố xảy ra.

7. Các công trình bảo vệ môi trường khác: Không có

CHƯƠNG IV

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP, CẤP LẠI GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải

Nguồn phát sinh nước thải nhiễm dầu:

- + Nguồn số 01: Nước vệ sinh sân bãi; lưu lượng tối đa: 16 lít/ngày;
- + Nguồn số 02: Nước mưa chảy tràn bề mặt nhiễm dầu, lưu lượng: 1 m³/ngày.

Tổng lưu lượng tối đa phát sinh: 1 m³/ngày (*Vào thời điểm mưa không thực hiện vệ sinh sân bãi*)

Dòng nước thải: Toàn bộ nước thải phát sinh từ các hoạt động của cửa hàng được thu gom bằng bể tách dầu, nước thải đầu ra đạt QCVN 29:2010/BTMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải kho và cửa hàng xăng dầu, trước khi xả ra hệ thống cống chung của khu vực (*áp dụng đối với Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe*).

Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải:

Bảng 4.1. Thông số nước thải và giá trị giới hạn đề nghị cấp phép

TT	Thông số	ĐVT	QCVN 29:2010/BTMT Kho xăng dầu không có dịch vụ rửa xe (Cột B)
1	pH	-	5,5-9
2	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
3	Nhu cầu ô xy hoá học (COD)	mg/l	150
4	Dầu mỡ khoáng (tổng hydrocarbon)	mg/l	30

Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:

- + Vị trí xả thải: X: 1151844,64 Y: 496151,66
- + Đường kính cống thoát nước thải: D= 90mm.
- + Chế độ xả thải: Xả gián đoạn
- + Phương thức xả nước thải: theo phương thức tự chảy.

CHƯƠNG V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Hoạt động kinh doanh của cửa hàng khí thải phát sinh không ảnh hưởng đáng kể đến môi trường không khí xung quanh nên không thực hiện quan trắc.

Nhà vệ sinh chủ yếu phục vụ cho sinh hoạt của các thành viên trong gia đình tham gia kinh doanh nên đây là nhà vệ sinh nội bộ của gia đình, việc xây dựng trong khuôn viên của hàng nhằm đáp ứng các tiêu chuẩn trong hoạt động kinh doanh xăng dầu. Bên cạnh đó, nước thải phát sinh hàng ngày rất ít, có ngày không phát sinh. Vì vậy, đơn vị tư vấn không thực hiện thực hiện thu mẫu quan trắc nước thải sinh hoạt.

Báo cáo này được lập vào tháng 3/2024 thời tiết nắng nóng, nên lượng nước thải nhiễm dầu chưa phát sinh cao, lượng nước rửa sàn có số lượng thấp nên cửa hàng quan trắc nước thải nhiễm dầu sau khi xây dựng công trình xử lý môi trường, báo cáo về phòng Tài nguyên và môi trường thành phố Hà Tiên.

CHƯƠNG VI

CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

Trên đề xuất các công trình bảo vệ môi trường của cửa hàng, chủ cửa hàng đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý nước thải, chương trình quan trắc môi trường trong gian đoạn cửa hàng đi vào vận hành, cụ thể như sau:

1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của cửa hàng

1.1. Thời gian dự kiến vận hành thử nghiệm

Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cửa hàng như trong bảng sau:

Bảng 6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải đã hoàn thành của cửa hàng

Công trình xử lý chất thải của dự án	Kế hoạch vận hành thử nghiệm		
	Thời gian bắt đầu	Thời gian kết thúc	Công suất dự kiến đạt được
Bể tách dầu lưu lượng 1 m ³ /ngày	26/04/2024	28/04/2024	Đạt QCVN 29:2010/BTMT, cột B – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải kho và cửa hàng xăng dầu, trước khi xả ra hệ thống cống chung của khu vực

1.2. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

Kế hoạch về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải trước khi thải ra môi trường hoặc thải ra ngoài phạm vi của công trình, thiết bị xử lý như trong bảng sau:

Bảng 6.2. Kế hoạch về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải

Công trình xử lý chất thải của dự án	Kế hoạch về thời gian dự kiến lấy các loại mẫu chất thải	
	Thời gian thực hiện dự kiến lấy mẫu	Loại mẫu chất thải dự kiến lấy
Bể tách dầu lưu lượng 1 m ³ /ngày	Trước khi kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm 03 ngày	Mẫu đơn nước thải

Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiện quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải được thiết kế dựa trên quy định pháp luật tại Điều 21 (Khoản 1 và Khoản 5), Thông tư 02/2022/TT-BTNMT, cụ thể như trong bảng sau:

Bảng 6.3. Kế hoạch đo đạc, lấy và phân tích mẫu chất thải để đánh giá hiệu quả xử lý của công trình, thiết bị xử lý chất thải

TT	Vị trí lấy mẫu	Tần suất (lần)	Thời gian lấy mẫu (dự kiến)	Số lượng mẫu	Thông số đo đạc, phân tích	QCVN so sánh
1	Nước thải đầu ra hệ thống xử lý	3	03 ngày liên tiếp trước khi kết thúc giai đoạn vận hành thử nghiệm	3 mẫu đơn	pH, TSS, COD, dầu mỡ khoáng	QCVN 29:2010/BTMT, cột B Cột cửa hàng không có dịch vụ rửa xe

Tổ chức có đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường dự kiến phối hợp để thực hiện kế hoạch đơn vị đáp ứng đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường theo quy định tại Điều 91 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP của Chính phủ quy định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải:

Bảng 6.4. Kế hoạch quan trắc chất thải, đánh giá hiệu quả xử lý của các công trình, thiết bị xử lý chất thải

TT	Công việc	Thời gian	Ghi chú	Đánh giá hiệu quả
1	Nước thải nhiễm dầu sau xử lý	06 tháng/lần	Báo cáo về Phòng Tài Nguyên và Môi trường Thành phố Hà Tiên bằng báo cáo công tác bảo vệ môi trường hằng năm	Cao
2	Giám sát CTR	Ghi chép hằng ngày		

2.1. Chương trình quan trắc môi trường định kỳ

a. Giám sát nước nhiễm dầu sau xử lý

Vị trí giám sát:

+ NT: Dầu ra bể tách dầu

Thông số: pH, TSS, COD, Dầu mỡ khoáng.

Tần suất: 06 tháng/lần.

Toạ độ: X: 1151844,64 Y: 496151,66

Quy chuẩn kỹ thuật áp dụng:

+ QCVN 29:2010/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia nước thải kho và cửa hàng xăng dầu (*áp dụng đối với Cửa hàng không có dịch vụ rửa xe*).

2.2. Chương trình quan trắc tự động, liên tục chất thải

Cơ sở không thuộc đối tượng thực hiện quan trắc tự động liên tục nước thải quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT.

2.3. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Ngân sách cho quản lý môi trường được trích một phần doanh thu từ cửa hàng cho các công tác bảo vệ môi trường như: Chi phí bảo dưỡng, bảo trì các thiết bị xử lý nước thải, chi phí vận hành các hệ thống xử lý và các công tác khác có liên quan.

Chi phí phân tích giá trị các chỉ tiêu về môi trường được tính theo giá quy định tại Quyết định 2209/QĐ-UBND tỉnh Kiên Giang về áp dụng cho quan trắc đối với các đơn vị sự nghiệp công lập Nhà nước. Kinh phí được dự trù ở đây được tính theo giá trị hiện tại và có thể thay đổi qua các năm tiếp theo (giá trị thay đổi có thể không lớn), cụ thể như sau:

Bảng 6.5. Chi phí thực hiện giám sát môi trường nước

TT	Chỉ tiêu	Đơn giá (VNĐ)	Số lượng	Thành tiền (VNĐ)
1	pH	140.000	1	140.000
2	TSS	148.000	1	148.000
3	COD	205.000	1	205.000
4	Dầu mỡ khoáng	573.000	1	573.000
TỔNG				1.066.000

Bảng 6.6. Tổng chi phí giám sát môi trường/năm

TT	Hạng mục	Thành tiền (VNĐ)
1	Chi phí giám sát môi trường nước	1.066.000
2	Chi phí viết báo cáo	3.000.000
3	Chi phí đi lại, in ấn	1.000.000
TỔNG		5.066.000

CHƯƠNG VII

KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ

Trong quá trình hoạt động, cửa hàng chưa làm việc với các đoàn kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường trong 02 năm gần nhất.

CHƯƠNG VIII

CAM KẾT CỦA CHỦ CỬA HÀNG

Cửa hàng cam kết thực hiện đúng chương trình quản lý môi trường, chương trình giám sát môi trường như đã nêu trên Chương VI của báo cáo, tuân thủ các quy định chung về môi trường có liên quan đến giai đoạn hoạt động của cửa hàng, gồm:

Tuân thủ nghiêm túc luật pháp Việt Nam và Công ước Quốc tế về bảo vệ môi trường.

Cam kết xử lý nước thải sinh hoạt triệt để trước khi thoát vào cống thoát chung của khu vực.

Cam kết giảm thiểu khí thải phát sinh từ các phương tiện vận chuyển, đảm bảo môi trường không khí xung quanh đạt QCVN 26:2010/BTNMT, QCVN 05:2023/BTNMT.

Cam kết xử lý nước thải nhiễm dầu đạt 29:2010/BTMT, cột B, Cột cửa hàng không có dịch vụ rửa xe.

Cam kết xử lý triệt để các vấn đề liên quan đến chất thải rắn, chất thải nguy hại phát sinh tại cửa hàng.

Cam kết về giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường sẽ thực hiện trong giai đoạn từ khi cửa hàng đi vào vận hành chính thức đến khi kết thúc.

Cam kết về đền bù, khắc phục ô nhiễm trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra do hoạt động của cửa hàng.

Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng chống cháy nổ theo đúng quy định phòng cháy chữa cháy và an toàn lao động.

Duy trì các phương pháp kiểm soát ô nhiễm như đã trình bày.

Từ việc ý thức được các tác động do ô nhiễm cũng như vai trò bảo vệ môi trường, trong quá trình hoạt động, chủ cửa hàng xin cam kết sẽ thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm thiểu các tác động tiêu cực như đã nêu trên, cam kết tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam, các quy định bảo vệ môi trường và công ước Quốc tế.